

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CÔNG BỐ ĐIỂM TRÚNG TUYỂN

ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển theo các phương thức						TCP (Thứ tự nguyện vọng)
		PT1, PT2	PT3			PT4	PT5	
			HSA	TSA	SPT			
7210205	Thanh nhạc	-	-	-	-	-	21.50	
7210403	Thiết kế đồ hoạ	-	-	-	-	-	18.00	
7220201	Ngôn ngữ Anh	21.00	75.00	-	21.00	-	-	≤ 6
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	22.35	80.93	-	22.35	-	-	≤ 2
7220209	Ngôn ngữ Nhật	17.75	64.08	-	17.75	-	-	= 1
7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	19.75	70.00	-	19.75	-	-	≤ 4
7310106	Kinh tế quốc tế	19.00	67.00	45.50	19.00	-	-	≤ 3
7310630	Việt Nam học	20.45	72.80	-	20.45	-	-	≤ 5
7320104	Truyền thông đa phương tiện	23.31	86.21	-	23.31	-	-	≤ 3
7340101	Quản trị kinh doanh	18.75	66.42	45.04	18.75	-	-	≤ 4
7340101A	Quản trị kinh doanh định hướng chuẩn nghề nghiệp quốc tế	16.25	60.58	40.46	16.25	-	-	
7340115	Marketing	20.10	71.40	47.61	20.10	-	-	≤ 3
7340122	Thương mại điện tử	22.00	79.00	51.25	22.00	-	-	≤ 3
7340201	Tài chính - Ngân hàng	19.00	67.00	45.50	19.00	-	-	≤ 7
7340301	Kế toán	18.35	65.48	44.31	18.35	-	-	≤ 6
7340301A	Kế toán định hướng chứng chỉ quốc tế ACCA	16.25	60.58	40.46	16.25	-	-	
7380107	Luật kinh tế	20.10	71.40	-	20.10	-	-	
7480101	Khoa học máy tính	16.00	60.00	40.00	16.00	-	-	
7480104	Hệ thống thông tin	16.00	60.00	40.00	16.00	-	-	
7480201	Công nghệ thông tin	16.00	60.00	40.00	16.00	-	-	
7480207	Trí tuệ nhân tạo	16.00	60.00	40.00	16.00	-	-	
7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	21.13	75.50	49.58	21.13	-	-	≤ 4
7720301	Điều dưỡng	20.75	74.00	48.85	20.75	23.46	-	≤ 11
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	22.30	80.65	52.06	22.30	24.80	-	≤ 6
7810201	Quản trị khách sạn	22.00	79.00	51.25	22.00	24.50	-	= 1